

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG
VIỆT NAM**



VIPESCO

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019**

**TP. HỒ CHÍ MINH
18-03-2020**



PHỤ LỤC SỐ 04
APPENDIX 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

Tên Công ty/Name of Company Công ty cổ phần Thuộc sắt trùng Việt Nam
Năm báo cáo/Year 2019

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ Trading name: **Công ty cổ phần Thuộc sắt trùng Việt Nam**

- Tên viết tắt: **VIPESCO**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ Certificate of business registration No: 0300408946 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/05/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 01/11/2018.

- Vốn điều lệ/ Charter capital: 244.607.920.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn tỷ, sáu trăm lẻ bảy triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng).

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital: 244.607.920.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn tỷ, sáu trăm lẻ bảy triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng)

- Địa chỉ/ Address: 102 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Số điện thoại/ Telephone: 028 38295730 - 028 38296378 - 028 38258853

- Số fax/ Fax: 028 38230752

- Website: www.vipesco.com.vn

- Mã cổ phiếu (nếu có)/ Securities code (if any): VPS

Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam- VIPESCO tự hào là nhà sản xuất nông dược uy tín, gắn bó lâu dài cùng sự phát triển của nền nông nghiệp nước nhà với lịch sử phát triển hơn 40 năm qua.

Được thành lập vào năm 1976, Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam có tên gọi ban đầu là Công ty Thuốc sát trùng Miền Nam, được hình thành từ các xí nghiệp sản xuất thuốc BVTV tại Miền Nam.

Đến năm 1990 Công ty được đổi tên thành CÔNG TY THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM - VIPESCO nhằm phù hợp với tình hình sản xuất và kinh doanh ngày càng mở rộng và phát triển trên khắp lãnh thổ Việt Nam. Vipesco cũng tiếp tục đầu tư xây dựng hai Chi nhánh tại Huế và Hà Nội để đảm bảo phục vụ kịp thời nhu cầu của khách hàng.

Bên cạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước, Vipesco cũng rất coi trọng hợp tác và xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài. Sản phẩm của Công ty hiện đang được xuất khẩu sang một số nước Châu Á như: Đài Loan, Myanmar, Malaysia, Campuchia...

Cùng với việc xuất khẩu sản phẩm, Vipesco còn có sự hợp tác về mặt kỹ thuật và công nghệ với nhiều công ty tại các nước khác nhau trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Công ty có 2 liên doanh đang hoạt động:

+ Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries: sản xuất kinh doanh nhang muỗi và bình xịt muỗi Mosfly.

+ Công ty TNHH sản xuất nông dược vi sinh Viguato: sản xuất kinh doanh thuốc trừ nấm bệnh cây trồng Validamycin.

Năm 2006, từ doanh nghiệp nhà nước, do yêu cầu cổ phần hoá doanh nghiệp, Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam được chuyển đổi thành CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM, trong đó Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam - Bộ Công Thương nắm giữ 51% vốn. Tiếp tục đà tăng trưởng, Công ty vẫn đang tiến hành đầu tư xây dựng thêm dây chuyền sản xuất theo công nghệ mới, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm theo hướng phục vụ nền nông nghiệp xanh sạch, bền vững với mục tiêu vừa bảo đảm lợi ích cộng đồng, vừa bảo đảm quyền lợi của cổ đông Công ty.

VIPESCO là nhà cung cấp có uy tín và quen thuộc nhất với nông dân, mọi hoạt động của Công ty đều hướng về nông dân Việt Nam với Slogan:

VIPESCO - NHÀ NÔNG THỊNH VƯỢNG.

Những cột mốc phát triển quan trọng	
19/4/1976	• Công ty được thành lập với tên gọi ban đầu là Công ty Thuốc sát trùng Miền Nam, trực thuộc Tổng cục Hóa chất.

Năm 1990	<ul style="list-style-type: none"> Tổng cục trưởng Tổng cục Hóa chất đổi tên Công ty thành Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam (Quyết định số 70/HC – TCLĐ ngày 24/02/1990).
Năm 1993	<ul style="list-style-type: none"> Bộ trưởng Bộ Công nghiệp thành lập lại Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam, với mức vốn là 99.573.000.000 đồng (Quyết định số 72/CNNg/TC ngày 13/02/1993).
Năm 2005	<ul style="list-style-type: none"> Công ty triển khai thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 3494/QĐ-TCCB ngày 28/12/2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam.
Tháng 6/2006	<ul style="list-style-type: none"> Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam (VIPESCO) chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103004735 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/05/2006 với vốn điều lệ 156.000.000.000 đồng (Nhà nước nắm giữ 51%)
Tháng 6/2007	<ul style="list-style-type: none"> Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận là công ty đại chúng.
Tháng 5/2008	<ul style="list-style-type: none"> Công ty tăng vốn điều lệ thành 174.719.940.000 đồng thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu.
19/08/2015	<ul style="list-style-type: none"> Cổ phiếu của Công ty (Mã chứng khoán là VPS) chính thức giao dịch phiên đầu tiên trên Sàn của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.
31/10/2016	<ul style="list-style-type: none"> Công ty tăng vốn điều lệ lên 244.607.920.000 đồng bằng việc phân phối cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.

- Các sự kiện khác/*Other events*

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:*

- *Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), phân bón, dịch vụ khử trùng và thuốc sát trùng gia dụng, vật tư phục vụ ngành nông nghiệp.

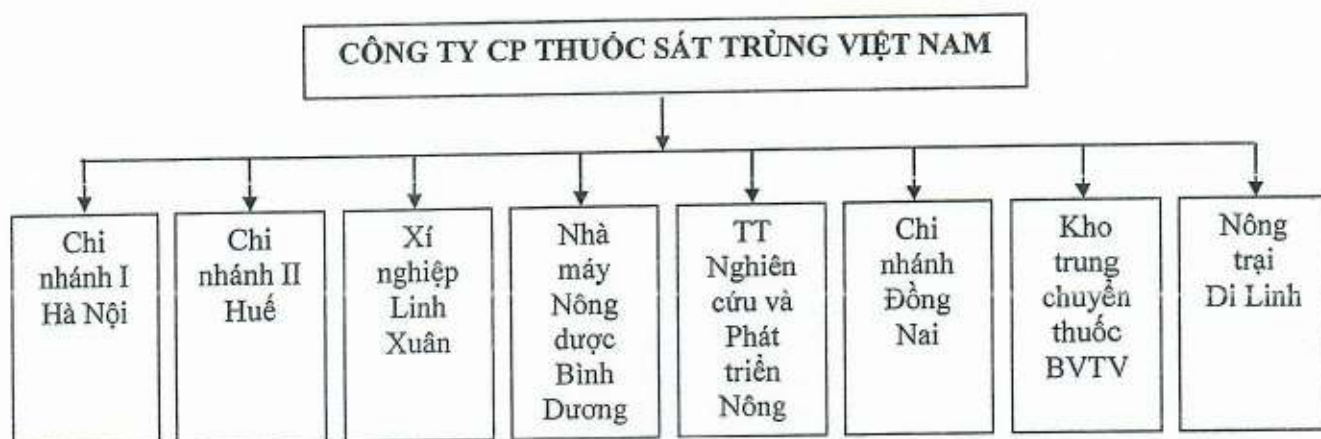
- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

+ Trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

+ Xuất khẩu: Đài Loan, Cambodia, Myanmar.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/*Governance model*.

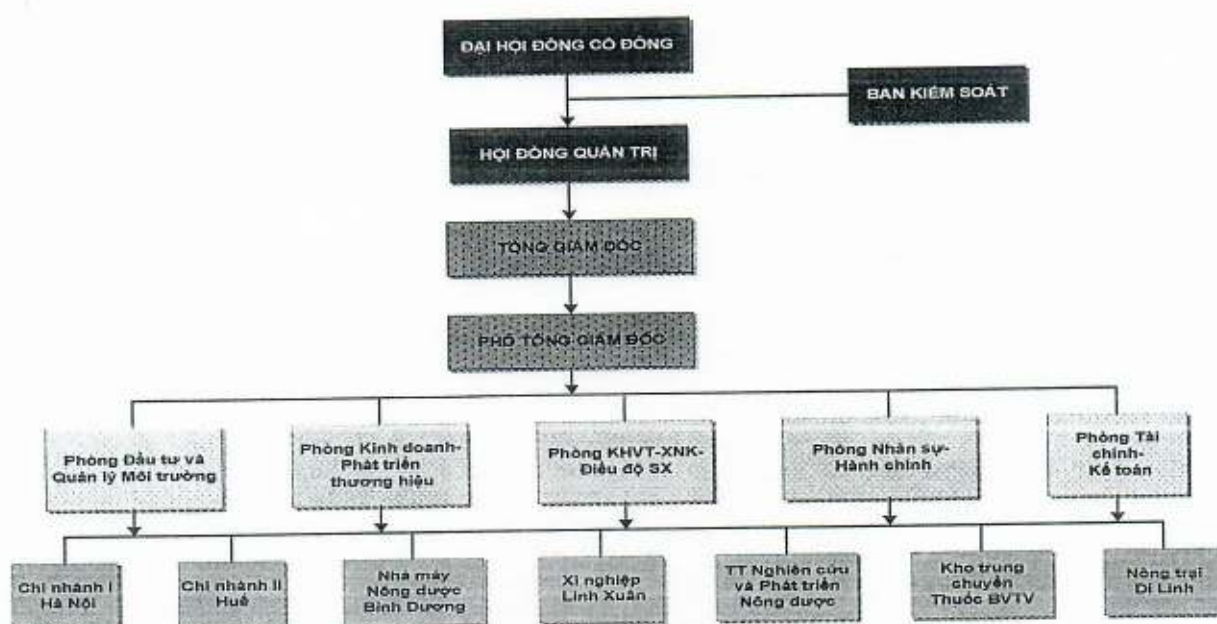


Trụ sở chính	
Địa chỉ:	102 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại:	(84-28) 3822 4364 – 3829 8494 – 3829 5730 – 3825 8853
Fax:	(84-28) 3823 0752
Website:	www.vipesco.com.vn
Chi nhánh I	
Địa chỉ:	Số 2 Triệu Quốc Đạt, P. Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Điện thoại:	(84-24) 3824 9395 – 3826 9417
Fax:	(84-24) 3826 9415

Chi nhánh II	
Địa chỉ:	Số 120 đường Nguyễn Văn Linh, Phường An Hòa, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên - Huế
Điện thoại:	(84-234) 3646 869 – 3546 871
Fax:	(84-234) 3546 872
Nhà máy Nông dược Bình Dương	
Địa chỉ:	138 DT 743, Phường Bình Thắng – Thị xã Dĩ An – Tỉnh Bình Dương
Điện thoại:	(84-274) 3751 952 – 3751 522
Fax:	(84-274) 3751 757
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông Dược	
Địa chỉ:	Số 127 Lê Lợi, Phường 4, Quận Gò Vấp, TP. HCM
Điện thoại:	(84-28) 3894 0324 – 3895 7248
Fax:	(84-28) 3895 5125
Xí nghiệp Linh Xuân	
Địa chỉ:	221/21 Đường QL1K, KP 5, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại:	(84-28) 3726 6951
Fax:	(84-28) 3896 6438
Kho Trung chuyển thuốc bảo vệ thực vật	
Địa chỉ:	Ấp Hòa Phúc, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, Tiền Giang
Điện thoại:	(84-273) 200 0944
Fax:	(84-273) 375 6024
Nông trại Di Linh	
Địa chỉ:	Xã Đình Trang Hòa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng
Điện thoại:	(84-263) 387 3564
Fax:	(84-263) 3873564

Chi nhánh Đồng Nai	
Địa chỉ:	Số 149, Ấp Hưng Thịnh, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại:	(84-251) 3678015
Fax:	(84-251) 3678015

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure.*



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies:* (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *(Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies).*

Công ty Con:

❖ Công ty TNHH Sản xuất Nông dược Vi sinh VIGUATO

- Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam: 75,24%
- Trụ sở: KP1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM
- Điện thoại: (84-28) 3873 1971 - Fax: (84-28) 3873 3654
- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất kinh doanh thuốc nông dược vi sinh Validamycin.

- Vốn điều lệ đã đăng ký: 25.627.806.332 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 27.772.526.318 đồng

Công ty liên doanh và liên kết:

❖ Công ty Cổ phần Trừ mối – Khử trùng

- Tỷ lệ vốn góp của Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam: 30,22%
- Trụ sở: 2/29 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại: (84-28) 38210245 - Fax: (84-28) 38212011
- E-mail: tcfc@hcm.fpt.vn - Website: www.tcfc.com.vn
- Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ trừ côn trùng, khử trùng; trừ hại cho các loại cây trồng; kinh doanh cây hoa kiểng; xuất nhập khẩu thiết bị chuyên dùng để trừ mối-khử trùng.
- Vốn điều lệ đã đăng ký: 4.500.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 4.001.300.000 đồng

❖ Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries (MVI)

- Tỷ lệ vốn góp của Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam: 50,00%
- Trụ sở: Lô J4, đường N4, KCN Nam Tân Uyên mở rộng, TX Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: (84-274) 3639 110 - Fax: (84-274) 3639 112
- Website: www.mosflyvn.com
- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất hoá mỹ phẩm, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn
- Vốn điều lệ đã đăng ký: 41.900.000.000 VNĐ
- Vốn điều lệ thực góp: 41.900.000.000 VNĐ

4. Định hướng phát triển/ Development orientations.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company.*

Trở thành Top 10 trong lĩnh sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

Tập trung vào năng lực cốt lõi, nguồn lực hiện có và khai thác tối đa lợi thế cạnh tranh của ngành sản xuất thuốc bảo vệ thực vật để tạo nền tảng phát triển bền vững.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate*

objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.

- + Hiện trạng, các Nhà máy sản xuất của Công ty đang nằm ngoài khu công nghiệp tập trung và nằm trong khu dân cư, theo quy hoạch của địa phương: buộc phải di dời. Để ổn định việc phát triển lâu dài phải có định hướng đưa về sản xuất tập trung và ở trong khu công nghiệp nhằm tránh các xung đột với cộng đồng dân cư và phù hợp với quy hoạch cũng như được sự chấp thuận của chính quyền tỉnh nơi đặt nhà máy. Xuất phát từ nhu cầu cấp thiết cho việc phát triển bền vững này, Công ty đã thuê đất tại Khu Công nghiệp Đức Hòa 1 – Long An với quy mô diện tích gần 5 ha.
- + Nội dung công việc đã thực hiện liên quan đến dự án nêu trên:
 - (1) Đã có kết quả thẩm định công nghệ dự án ngày 28/08/2017;
 - (2) Đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/01/2020;
 - (3) Đã có Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho nhà máy sang chiết, gia công và đóng gói thuốc Bảo vệ thực vật giai đoạn 1: 9.500 tấn sản phẩm/năm;
 - (4) Đã có Giấy chứng nhận đầu tư Dự án **“Nhà máy sang chiết, gia công, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật giai đoạn 1, công suất 9.500 tấn sản phẩm/năm”** tại Khu Công nghiệp Đức Hòa 1 - Long An.
- + Những công việc dự kiến thực hiện tiếp theo:
 - (1) Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nhà máy sang chiết, gia công, đóng gói thuốc Bảo vệ thực vật giai đoạn 1, công suất 9.500 tấn sản phẩm/năm tại Khu công nghiệp Đức Hòa 1 – Long An trình phê duyệt;
 - (2) Trình thẩm định và phê duyệt báo cáo Nghiên cứu khả thi Dự án.
 - (3) Sau khi báo cáo được phê duyệt tiến hành thủ tục xin cấp phép xây dựng Nhà máy. Khi có giấy phép xây dựng Công ty triển khai xây dựng Nhà máy tại địa điểm nêu trên đáp ứng các yêu cầu để ổn định sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng các yêu cầu về môi trường, PCCC, an toàn lao động và có tính hiện đại, áp dụng được các công nghệ mới.

5. Các rủi ro/ Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).

- Rủi ro cạnh tranh

Ngành kinh doanh thuốc sát trùng là ngành mà trong đó mức độ tham gia mới của các đối thủ cạnh tranh là khá dễ dàng do chi phí đầu tư ban đầu không cao, công ty chỉ cần nhập hoạt chất về gia công, đóng gói bao bì và dán nhãn hiệu đem bán. Bên cạnh đó, tính đạo đức nghề nghiệp của các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa cao nên có thể xảy ra tình trạng bán hàng nhái, hàng giả, hàng kém phẩm chất, gây tổn thất vô cùng lớn cho sự tồn tại của Công ty và sự phát triển bền vững của ngành. Ngoài ra, Công ty còn chịu sự cạnh tranh từ các sản phẩm tương tự của Trung Quốc với các chủng loại sản phẩm đa dạng và giá thành cạnh tranh hơn. Để giảm thiểu rủi ro cạnh tranh, Công ty chủ động đa dạng hóa các đối tượng khách hàng, tìm kiếm các thị trường mới cũng như xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng hiện tại.

- Rủi ro đặc thù ngành thuốc BVTV

Các sản phẩm của VIPESCO gắn liền với sản xuất nông nghiệp nên có tính mùa vụ rất cao. Vì thế, Công ty luôn chú trọng đến việc điều phối sản xuất hợp lý để đảm bảo nguồn cung cấp đầy đủ và hợp lý cho thị trường.

- Rủi ro do phải di dời Nhà máy, Xưởng sản xuất ra khỏi khu dân cư

Các Nhà máy, Xưởng sản xuất hiện nay của Công ty đều nằm trong khu dân cư, cần phải di dời về khu công nghiệp tập trung. Công ty đã có kế hoạch: song song với việc cải tạo nhà xưởng máy móc thiết bị tại nơi đang sản xuất để đảm bảo sản xuất xanh, sạch, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường (từ đó vẫn được tiếp tục sản xuất cho đến khi di dời theo kế hoạch). Công ty triển khai các bước nhằm tìm địa điểm thích hợp để di dời, sắp xếp lại các cơ sở sản xuất của Công ty trên cả 3 miền. Với kế hoạch này, Công ty đảm bảo việc đầu tư nhà máy mới được quy hoạch mặt bằng tối ưu và trang thiết bị hiện đại hơn, trong quá trình nâng dần công suất sẽ kết hợp với việc tiếp nhận dây chuyền từ Nhà máy cũ, không ảnh hưởng đến việc cung cấp sản phẩm của Công ty đến khách hàng truyền thống và khả năng mở rộng tiêu thụ trong tương lai.

- Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu phục vụ cho sản xuất thuốc bảo vệ thực vật hiện chủ yếu được nhập khẩu, vậy nên những rủi ro về biến động giá và nguồn cung ứng nguyên liệu đầu vào sẽ tác động trực tiếp tới giá thuốc bảo vệ thực vật trong nước cũng như khả năng tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và VIPESCO nói riêng. Hơn 80% nguyên vật liệu của Công ty là nhập khẩu từ nước ngoài, chủ yếu là từ Trung Quốc, Ấn Độ, Đài Loan và Nhật Bản. Để giảm thiểu bớt rủi ro này, Công ty chủ động ký kết hợp đồng mua nguyên liệu từ các nhà cung cấp lớn, có năng lực và uy tín ở các quốc gia trên.

- Rủi ro tỷ giá hối đoái

Phần lớn nguyên liệu đầu vào của VIPESCO (các loại hóa chất) phải nhập khẩu, do đó, chi phí đầu vào của Công ty chịu ảnh hưởng lớn của biến động tỷ

giá hồi đoái. Tuy nhiên, trong các năm gần đây, Chính phủ duy trì chính sách tỷ giá ổn định nên hoạt động kinh doanh của Công ty cũng ít chịu ảnh hưởng bởi rủi ro tỷ giá hồi đoái.

- **Rủi ro ô nhiễm môi trường**

Thuốc bảo vệ thực vật sử dụng nhiều loại hoá chất có ảnh hưởng nguy hại tới sức khoẻ con người và gây rủi ro ô nhiễm môi trường. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, VIPESCO đã áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO14000 nhằm kiểm soát môi trường trên cơ sở đánh giá các rủi ro ô nhiễm môi trường. Công ty đã đầu tư các hệ thống xử lý khí thải, nước thải, xử lý bụi – mùi, chất thải rắn phát sinh tại các cơ sở sản xuất – kinh doanh của Công ty đều được chuyển giao các đơn vị có chức năng xử lý đúng quy định.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Năm 2019 là một năm kém khởi sắc. Dịch hại xuất hiện ít, giá nông sản của các cây trồng chính như lúa, tiêu, cà phê, điều, cao su giảm mạnh, lợi nhuận trong sản xuất không đáng kể nên người nông dân hạn chế đầu tư, nhiều nơi hoạt động sản xuất bị thu hẹp. Thị trường thuốc bảo vệ thực vật trầm lắng do nhu cầu từ đồng ruộng thấp, các khách hàng chủ yếu bán hàng tồn, tuy nhiên lượng tiêu thụ không đáng kể, các công ty thuốc BVTV đều có doanh số bán hàng giảm tính từ đầu năm 2019.

- Nguồn cung ứng nguyên liệu nhập khẩu trong năm 2019 mức độ ổn định nhưng giá nguyên liệu vẫn còn cao và một số mặt hàng nguồn cung còn thiếu như nguyên liệu Dimethoate để sản xuất sản phẩm Vibam 5GR, Niclosamide sản xuất Viniclo 700WP... là những sản phẩm chiếm doanh số và lợi nhuận cao của Công ty. Điều đó cũng kéo theo giá cả nguyên liệu đầu vào cao trong khi giá bán hầu như không tăng kịp (do giá nông sản thấp) làm ảnh hưởng mạnh đến lợi nhuận.

- Về chính sách của ngành: Các sản phẩm bị cấm trước đó như Diazinon, Zinphosphate.. và các sản phẩm cấm trong đầu năm 2019 như Chlorpyrifos, Fipronil, Glyphosate có tác động trực tiếp giảm doanh số và lợi nhuận vào giai đoạn cuối năm 2019 do thời gian nhập hàng không kịp (Glyphosate chỉ được phép nhập trong 2 tháng kể từ ngày văn bản ban hành).

- Ngoài ra, trong năm 2019, Công Ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries tiếp tục hoạt động kinh doanh không hiệu quả nên Vipesco buộc phải trích dự phòng tài chính, điều này ảnh hưởng đến lợi nhuận của Vipesco.

• Hoạt động kinh doanh & phát triển thương hiệu:

- **Hệ thống phân phối:**

Năm 2019, Công ty đã thực hiện các biện pháp nhằm đẩy mạnh việc phát triển hệ thống phân phối:

+ Tăng cường các biện pháp quản lý bán hàng, các Trưởng khu vực được giao phụ trách chung toàn khu vực và quản lý trực tiếp khách hàng cấp 1, nhân viên bán hàng quảng bá quản lý khách hàng cấp 2. Mở rộng thêm cấp 1 tại các khu vực mà hệ thống phân phối hiện nay có dấu hiệu co gọn.

+ Các đại lý bán lẻ (cấp 2) tiếp tục được quan tâm và chăm sóc và mở rộng: đạt mức tăng 30% so với hiện nay. Tiến hành ký kết các thỏa thuận tiêu thụ sản phẩm với cấp 2.

- **Sản phẩm:**

+ Đa dạng bộ sản phẩm đang có theo hướng khoan vùng để tăng sản lượng.

+ Khai thác các sản phẩm có hoạt chất cũ cho một vài thị trường ngách.

+ Tiến hành các đàm phán hợp tác phân phối sản phẩm của các công ty đa quốc gia, tập đoàn nước ngoài như Bayer, FMC, Nomura, ...

+ Đẩy nhanh công tác đăng ký sản phẩm mới bằng cách phối hợp chặt chẽ hơn với cục BVTV.

+ Vipesco đã và đang đi sâu nghiên cứu các sản phẩm bảo vệ, xử lý môi trường, phòng chống côn trùng.

- **Chính sách bán hàng:**

+ Xây dựng chính sách bán hàng nhằm kích thích khách hàng, giảm nhỏ sản lượng, chiết khấu, tặng khuyến mại nhằm hạn chế các hoạt động cạnh tranh giá của hệ thống cấp 1, đảm bảo mọi thành phần khách hàng đều tham gia ủng hộ sản phẩm và trung thành với Công ty.

+ Tùy thời điểm, áp dụng chính sách kích cầu, lồng ghép các chính sách ngắn hạn và trung hạn để đảm bảo doanh số bán.

+ Tập trung xây dựng đa dạng và linh hoạt các chương trình khuyến mại cho cấp 2. Bên cạnh đó tiếp tục mở rộng chương trình khuyến mại thẻ cào cho nông dân trên nhiều sản phẩm.

+ Tăng cường bán ra các mặt hàng còn tồn kho sắp bị cấm kinh doanh và sử dụng trong thời gian tới.

+ Duy trì và thúc đẩy xuất khẩu sang các nước Đài Loan, Myanmar, Cambodia.

- **Hoạt động Marketing:**

+ Xây dựng các clip chương trình về dịch bệnh cây trồng, bài viết phát trên mạng xã hội Zalo, Facebook.

+ Tập trung thực hiện diện rộng các điểm trình diễn- hội thảo đầu bờ giới thiệu hiệu quả của sản phẩm.

- + Tư vấn bán hàng tại đại lý bán lẻ.
- + Thường xuyên thăm hỏi khách hàng cấp 1, 2 nhằm thúc đẩy hoạt động bán sản phẩm
- + Thực hiện các chương trình tọa đàm và khuyến nông trên truyền hình của một số đài địa phương.
- + Tổ chức các sự kiện chuyên đề, tọa đàm trực tiếp với nông dân về sản phẩm ở các tỉnh
- + Triển khai đưa ra thị trường 03 sản phẩm mới, trong đó có 02 sản phẩm hợp tác với đối tác nước ngoài.

• **Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm.**

- Công tác nghiên cứu hóa, công nghệ sản xuất, định mức vật tư: tổng số mẫu thử nghiệm trong năm 2019 là 2.380 công thức; trong đó 387 công thức áp dụng vào sản xuất; nghiên cứu cải tiến 14 sản phẩm đang lưu hành theo hướng nâng cao chất lượng, giảm chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm và đã áp dụng đưa vào sản xuất.
- Công tác phát triển sản phẩm mới: trước tình hình ngày càng nhiều sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật có độ độc cao bị Nhà nước cấm lưu hành trên thị trường, công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có độ độc thấp, thân thiện với môi trường được Công ty coi trọng và tập trung nhiều nguồn lực cho công tác này. Kết quả trong năm 2019 đã nghiên cứu hoàn thiện 16 công thức sản phẩm mới, trong đó 05 sản phẩm đã hoàn thiện hồ sơ nộp đăng ký sản phẩm.
- Công tác đảm bảo chất lượng sản phẩm: trong năm đã thực hiện kiểm tra chất lượng 3.969 mẫu thử (Nguyên liệu, bao bì, BTP, thành phẩm, sản phẩm mới,..) đáp ứng kịp thời cho sản xuất, đảm bảo chất lượng đầu ra tốt nhất cho toàn bộ sản phẩm của Công ty.
- Công tác nghiên cứu, thử nghiệm sinh học: Trong năm đã tiến hành 60 thử nghiệm hiệu lực sinh học của sản phẩm đang kinh doanh, sản phẩm cải tiến và sản phẩm mới phục vụ cho công tác phát triển sản phẩm. Tham gia viết bài đăng trên báo Nông nghiệp, đài phát thanh; Tổng hợp 1,6 tấn giống *Trichoderma* cho sản xuất chế phẩm sinh học Vi-ĐK; Nghiên cứu phân lập, làm thuần và xác định môi trường nhân nuôi nấm *Metarhizium anisopliae*, *Bacillus. sp*, *Paecilomyces sp*. để phát triển sản phẩm vi sinh trừ nấm bệnh cho cây trồng.

Ngoài ra còn nhiều biện pháp cải tiến kỹ thuật được áp dụng để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, góp phần tăng tính cạnh tranh của sản phẩm công ty trên thị trường.

Các chỉ tiêu cơ bản theo Báo cáo hợp nhất

CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2019			SO 2018
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		
			GIÁ TRỊ	%	
Vốn Điều lệ, đồng	244,607,920,000	244,607,920,000	244,607,920,000	100.0%	100.0%
Vốn chủ sở hữu, đồng	341,761,814,625	344,458,214,625	337,375,557,927	97.9%	100.8%
Tổng doanh thu, đồng	737,397,716,999	700,000,000,000	643,519,244,278	91.9%	87.3%
Doanh thu thuần, đồng	697,376,326,051	656,600,000,000	609,066,271,244	92.8%	87.3%
LN trước thuế, đồng	39,170,258,807	19,000,000,000	20,381,069,270	107.3%	52.0%
LN sau thuế, đồng	30,057,042,959	14,700,000,000	14,381,504,054	97.8%	47.8%
Tỷ lệ LN trước thuế/ D.Thu	16.01%	7.36%	8.33%		
Lãi cơ bản/ Cổ phiếu, đồng	1,229	601	588		

+ Trong đó, các chỉ tiêu cơ bản của Công ty mẹ:

CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2019			SO 2018
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		
			GIÁ TRỊ	%	
Vốn Điều lệ, đồng	244,607,920,000	244,607,920,000	244,607,920,000	100.0%	100.0%
Vốn chủ sở hữu, đồng	331,009,442,851	328,671,073,182	331,009,442,851	100.7%	99.3%
Tổng doanh thu, đồng	680,452,618,823	610,000,000,000	605,706,407,183	99.3%	89.0%
Doanh thu thuần, đồng	640,431,227,875	572,180,000,000	571,253,434,149	99.8%	89.2%
LN trước thuế, đồng	39,333,336,766	18,000,000,000	18,691,899,154	103.8%	47.5%
LN sau thuế, đồng	32,497,642,210	14,700,000,000	14,465,455,670	98.4%	44.5%
Tỷ lệ LN trước thuế/ D.Thu	5.78%	2.95%	3.09%		
Lãi cơ bản/ Cổ phiếu, đồng	1,329	601	591		

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource.

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

1. Ông Nguyễn Thân - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.
2. Ông Hồ Thái Quang – Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh và Phát triển Thương hiệu.
3. Ông Thái Nguyên Luật - Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán công ty.

a. Ông Nguyễn Thân – Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên:	NGUYỄN THÂN
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	03/06/1968
Nơi sinh:	Thừa Thiên Huế
Số CMND:	024 713 413 Ngày cấp: 28/08/2014 Nơi cấp: CATP.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	19A Mai Thị Lựu, Phường ĐaKao, Quận 1, TP.HCM
Số điện thoại công ty:	(84-28) 3829 5730
Địa chỉ email:	nguyenthan@vipesco.com.vn
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Thạc sĩ Nông nghiệp
Quá trình công tác:	
▪ Từ 05/1995-07/2003	Chuyên viên – Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 08/2003 đến 05/2006:	Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 06/2006 đến 03/2010:	Trưởng phòng Kinh doanh và PTTH – Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 04/2010 đến 04/2014:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh và PTTH – Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 05/2014 đến 11/2014:	Tổng Giám đốc – Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 12/2014 đến 21/05/2016:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD – Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

▪ Từ 22/05/2016 đến nay:	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	
▪ Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam.	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	
▪ Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries;	
▪ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Sản xuất Nông dược vi sinh Viguato;	
▪ Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Trừ mối Khử trùng;	
Tổng số CP nắm giữ tại thời điểm 22/07/2019: 3.709.269 cổ phần chiếm 15,164% vốn điều lệ	
Trong đó:	
▪ Đại diện phần vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam:	3.669.120 cổ phần, chiếm 15,000% vốn điều lệ
▪ Cá nhân sở hữu:	40.149 cổ phần, chiếm 0,164% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ:	Đã hết thời hạn cam kết nắm giữ cổ phiếu

b. Ông Hồ Thái Quang – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	HỒ THÁI QUANG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/07/1976
Nơi sinh:	Nam Định
Số CMND:	162606280 ngày cấp 09/02/2006 Nơi cấp: CA Nam Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	97/31 đường 8, phường Tăng Nhơn Phú B,

	Quận 9, TP HCM.
Số điện thoại công ty:	(84-28) 3823 0751
Địa chỉ email:	hothaiquang@vipesco.com.vn
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế (QTKD)
Quá trình công tác:	
▪ Từ 2004 đến 06/2006	Đại diện Công ty Xà Phòng Hà Nội tại TP. Hồ Chí Minh
▪ Từ 07/2006 đến 10/2010	Phụ trách Quảng bá – Thị trường, Công ty CP Khử Trùng Việt Nam
▪ Từ 11/2010 đến 07/2011	Chuyên viên phụ trách Marketing quảng bá - Công ty CP Thuốc Sát Trùng Việt Nam
▪ Từ 08/2011 đến 12/2014	Phó Trưởng phòng Kinh doanh - Phát triển Thương hiệu, Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 01/2015 đến 15/09/2017	Trưởng phòng Kinh doanh - Phát triển Thương hiệu, Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 15/09/2017 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh - Phát triển Thương hiệu, Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	
▪ Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh và PTTT Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có	
Tổng số CP nắm giữ tại thời điểm 22/07/2019: Không có	

c. Ông Thái Nguyên Luật – Kế toán trưởng

Họ và tên:	THÁI NGUYỄN LUẬT
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	29/04/1972
Nơi sinh:	TP.HCM
Số CMND/CCCD:	079072007760 Ngày cấp: 27/11/2017 Nơi cấp:

	CCSDKQLCTVDLQGVDC
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	98 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM
Số điện thoại công ty:	(84-28) 3911 8419
Địa chỉ email:	thainguyenluat@vipesco.com.vn
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính kế toán
Quá trình công tác:	
▪ Từ 01/1997 đến 05/2006	Chuyên viên Phòng TC-KT Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 06/2006 đến 06/2007:	Phó phòng TC-KT Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 07/2007 đến 05/2008:	Quyền trưởng phòng TC-KT tại CTCP Thuốc sát trùng VN
▪ Từ 06/2008 đến nay:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	
▪ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	
▪ Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Mosfly Việt Nam Industries	
▪ Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Trừ mối - Khử trùng	
Tổng số CP nắm giữ tại thời điểm 22/07/2019: 1.568 cổ phần chiếm 0,006% vốn điều lệ	
Trong đó:	
▪ Cá nhân sở hữu:	1.568 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ:	Đã hết thời hạn cam kết nắm giữ cổ phiếu

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management:* (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*): Không có.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 là 405 người.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. In case the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

Hiện Công ty đang chuẩn bị triển khai lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nhà máy sang chiết, gia công, đóng gói thuốc Bảo vệ thực vật giai đoạn 1, công suất 9.500 tấn sản phẩm/năm tại Khu công nghiệp Đức Hòa 1 – Long An.

(1) Tên dự án “Nhà máy sang chiết, gia công và đóng gói thuốc bảo vệ thực vật giai đoạn 1, công suất 9.500 tấn sản phẩm/năm” tại KCN Đức Hòa 1.

(2) Địa điểm thực hiện Dự án: Lô MF 7+8+9, Đường số 10, Khu công nghiệp Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

(3) Tổng vốn đầu tư: 180.000.000.000 VNĐ (một trăm tám mươi tỷ đồng Việt Nam), trong đó, vốn góp 100.000.000.000 VNĐ (một trăm tỷ đồng Việt Nam), chiếm 55,56% tổng vốn đầu tư.

(4) Tiến độ thực hiện Dự án: Từ tháng 03/2020 đến tháng 10/2021;

(5) Lắp đặt máy móc, thiết bị: Từ tháng 11/2021 đến tháng 01/2022;

(6) Sản xuất thử: Từ tháng 02/2022 đến tháng 04/2022;

(7) Đi vào vận hành: Từ tháng 05/2022.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).*

Công ty TNHH Sản xuất Nông dược Vi sinh Viguato

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000383 ngày 04/12/2008 của UBND Tp.HCM, Công ty TNHH Sản Xuất Nông Dược Vi Sinh VIGUATO có thời hạn hoạt động của Công ty là 20 năm, từ 08/6/1994 đến 08/06/2014. Năm 2014 Công ty xin gia hạn hoạt động lần thứ nhất tại vị trí hiện hữu thêm 3 năm đến 08/06/2017 để chuẩn bị đầu tư xây dựng nhà máy mới; nhưng do thủ tục đầu tư và tìm kiếm địa điểm đặt nhà máy bị kéo dài, báo cáo nghiên cứu khả thi không hiệu quả nên đến nay chưa triển khai được. Năm 2017, Công ty tiếp tục xin gia hạn hoạt động đến 31/12/2019 tại vị trí cũ để có thêm thời gian chuẩn bị cho dự án mới.

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nhìn chung thuận lợi từ 2011-2013; từ năm 2014 do tình trạng máy móc thiết bị đã quá cũ, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị tăng cao nên hiệu quả sản xuất thấp, tình hình thị trường không thuận lợi, ảnh hưởng mạnh đến hiệu quả SXKD của Công ty. Hội đồng thành viên Công ty Viguato chủ trương xây dựng nhà máy mới nên không đầu tư cho địa điểm hiện nay, chỉ sửa chữa khắc phục để hoạt động nhằm duy trì việc làm và thị trường, chuẩn bị cho nhà máy mới; do đó từ 2014 đến nay sản lượng sản xuất sụt giảm mạnh khoảng 30-35% so với các năm trước, chi phí hoạt động tăng, ảnh hưởng hiệu quả SXKD của Công ty.

Năm 2017, 2018 thị trường tiêu thụ thuận lợi, cùng với đó Công ty Viguato đã có những biện pháp tích cực trong công tác quản lý nên đã mang đến những hiệu quả SXKD nhất định. Năm 2019 thị trường tiêu thụ có khó khăn nên doanh thu chỉ đạt được 75,39% so với năm 2018, tuy nhiên công ty vẫn hoạt động có lãi lợi nhuận trước thuế (4,758 tỷ đồng) đạt 18,56% trên vốn góp của chủ sở hữu. Theo nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTV ngày 25/12/2019 của Công ty Viguato thì từ 01/01/2020, công ty tiếp tục hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên với mã số doanh nghiệp 0300811376 và thay đổi ngành nghề kinh doanh từ Sản xuất thuốc nông dược vi sinh sang bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc nông dược vi sinh (không tồn trữ hóa chất); Cấu trúc lại nhân sự công ty cụ thể chấm dứt hợp đồng lao động với 28 lao động, giữ lại 13 lao động.

Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries (MVI)

Sau khi Công ty TNHH Mosfly Việt Nam hết hạn hoạt động, để duy trì và phát triển thị trường thuốc gia dụng, Công ty TNHH MOSFLY Việt Nam Industries (MVI) được hình thành bởi hai nhà đầu tư là Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam (Việt Nam) và Mosfly International SDN. Bhd (Maylaysia) theo giấy chứng nhận đầu tư số 9816568687 cấp ngày 20/05/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Vốn điều lệ là: 2.000.000 Đôla Mỹ, tỉ lệ vốn: 50/50. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh Thuốc sát trùng gia dụng và hóa mỹ phẩm. Ngày bắt đầu hoạt động sản xuất: 01/01/2015, thời hạn: 17/11/2060. Địa chỉ trụ sở: Lô J4, đường N4, KCN Nam Tân Uyên mở rộng, TX Tân Uyên, Bình Dương.

Kế thừa Công ty Công ty TNHH MOSFLY Việt Nam, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm đầu đi vào hoạt động nhìn chung không có biến động lớn. Sản phẩm tiếp tục được khẳng định trên thị trường thuốc gia dụng.

Tuy nhiên, đến năm 2017 thị trường thuốc gia dụng có những biến động mạnh, với sự tham gia của những Công ty lớn đến từ Thái Lan, Mỹ, Nhật Bản làm cho thị trường cạnh tranh khốc liệt hơn, doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh đang có dấu hiệu sụt giảm. Năm 2018, Công ty MVI hoạt động doanh thu sụt giảm và phát sinh lỗ. Trong năm 2019, Công ty TNHH MOSFLY Việt Nam Industries (MVI) đã áp dụng các biện pháp tích cực, khẩn cấp để củng cố thị trường, đẩy mạnh doanh thu, cắt giảm chi phí, tuy nhiên vẫn chưa mang lại hiệu quả doanh thu tiếp tục giảm và tiếp tục lỗ (lỗ 7,869 tỷ đồng).

Trong năm 2019, thực hiện theo Nghị quyết 05/ NQ-TST-HĐQT của Công ty Vipesco ngày 14/05/2019 về chấp thuận thoái vốn đầu tư tại MVI. Thực hiện thoái vốn, ngày 18/06/2019 Nghị quyết số 08/NQ-TST-HĐQT của Vipesco thông qua phương án thoái vốn tại Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries (MVI) với giá chào bán khởi điểm là 37.000.000.000 đồng, Công ty đã thực hiện tiến hành đấu giá công khai phần vốn góp của Công ty tại MVI thông qua Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt (BVSC). Theo thông báo 141/2019/BVSC-HCM-TV ngày 09/09/2019 của Chi nhánh Công ty CP chứng khoán Bảo Việt về thông báo kết quả đăng ký đấu giá bán phần vốn góp của Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam tại Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries là không thành công do không có nhà đầu tư nào tham gia đấu giá. Sau khi đấu giá công khai phần vốn góp không thành công, Vipesco tiếp tục chào bán theo phương thức chào giá cạnh tranh theo Nghị quyết số 11/NQ-TST-HĐQT của HĐQT. Ngày 29/10/2019 Chi nhánh Công ty CP chứng khoán Bảo Việt thông báo kết quả đăng ký chào giá cạnh tranh không thành công do không có nhà đầu tư nào tham dự theo Công văn số 158/2019/BVSC.HCM-TV. Hiện nay, tiếp tục tái cơ cấu hoạt động của MVI để sớm chấm dứt tình trạng thua lỗ, đồng thời lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện thoái vốn của Vipesco đầu tư tại MVI tuân thủ theo Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

Công ty Cổ phần Trừ Mối Khử Trùng:

Theo Giấy chứng đăng ký kinh doanh lần đầu số 063376 ngày 27/03/1999 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp. Hiện nay, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lại số là 0301669450 cấp ngày 31/05/2019. Vốn điều lệ là: 4.001.300.000 Việt Nam đồng, mệnh giá 01 cổ phiếu 10.000VNĐ. Ngành nghề sản xuất kinh doanh là trừ mối khử trùng, dịch vụ trừ các loại côn trùng (ruồi, muỗi, kiến, gián, nhện, chuột), xuất nhập khẩu các mặt hàng và trang thiết bị chuyên dùng để trừ mối khử trùng. Địa chỉ trụ sở: 02/29 đường Hàm Nghi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Vipesco đầu tư chiếm tỷ lệ 30,22% (120.910 cổ phiếu).

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nhìn chung hoạt động có hiệu quả. Năm 2019 thị trường khử trùng cạnh tranh gay gắt và không thuận lợi, do

vậy doanh thu đạt được 98,85% so với năm 2018, tuy nhiên Công ty đã có những biện pháp tích cực trong công tác tiết giảm chi phí quản lý nên đã mang đến những hiệu quả SXKD nhất định, lợi nhuận trước thuế (1,25 tỷ đồng) đạt 100,97% so với cùng kỳ, đạt 31,25% trên vốn góp của chủ sở hữu.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a) Tình hình tài chính/ Financial situation

Chỉ tiêu/ Financial Figure	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm/% change
Tổng giá trị tài sản/Total asset	563,965,858,557	544,030,369,592	-3.7%
Doanh thu thuần/Net revenue	697,376,326,051	609,066,271,244	-14.5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities	37,598,564,244	19,147,255,912	-96.4%
Lợi nhuận khác/ Other profits	1,571,694,563	1,233,813,358	-27.4%
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	39,170,258,807	20,381,069,270	-92.2%
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	30,057,042,959	14,381,504,054	-109.0%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio	97.6%	102.1%	

- Các chỉ tiêu khác/ other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year	Năm/Year	Ghi chú/Note
	2019	2018	
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:			
[Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn(Short term Asset/Short term debt)]	2.0	1.9	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio			
[(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (Short term Asset - Inventories)/Short term Debt]	1.3	1.2	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0.4	0.4	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	0.6	0.7	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover			
[(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)]	0.80	0.80	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản			

<i>(Net revenue/ Total Assets)</i>	1.12	1.24	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	2.4%	4.3%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	4.3%	8.8%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	2.6%	5.3%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	3.1%	5.4%	

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions:*

Chỉ tiêu/Figures	Năm/Year X-1	Năm/Year X	Ghi chú/Note
<i>1. Quy mô vốn/ Capital scale</i>			
- Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i>			
- Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>			
- Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>			
<i>2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
- Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
- Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
- Nợ quá hạn/ <i>Outstanding debts</i>			
- Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
- Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (<i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (<i>Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio</i>)			

- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (<i>Bad debt/Total debt Ratio</i>)			
3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i>			
- Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
- Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
<i>Subject</i>	<i>Number of transfer restriction shares</i>	<i>Number of free transfer shares</i>	<i>Total</i>	<i>Proportional ownership (%)</i>
I. Người nội bộ/ <i>Internal persons</i>	-	5.003.451	5.003.451	20,45%
1. Hội đồng quản trị/ <i>Managing Board</i>	-	4.988.869	4.988.869	20,40%
2. Ban Giám đốc/ <i>Board of Directors</i>	-	-	-	-
3. Ban kiểm soát/ <i>Control Board</i>	-	8.310	8.310	0,03%
4. Giám đốc tài chính/ <i>Chief financial officer</i>	-	-	-	-

5. Kế toán trưởng/ <i>Chief accountant</i>	-	1.568	1.568	0,00%
6. Người được ủy quyền CBTT/ <i>Party authorized to disclose information</i>	-	4.704	4.704	0,02%
II. Cổ phiếu quỹ/ <i>Treasury stocks</i>	-	-	-	-
III. Công đoàn Công ty/ <i>Labor Union</i>	-	105	105	0,00%
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ <i>Shareholders own preferred stocks (If any)</i>	-	-	-	-
V. Cổ đông khác/ <i>Other Shareholders</i>	-	19.457.236	19.457.236	79,55%
1. Trong nước/ <i>Domestic</i>	-	19.287.918	19.287.918	78,86%
1.1 Cá nhân/ <i>individual</i>	-	5.559.392	5.559.392	22,73%
1.2 Tổ chức/ <i>Institutional</i>	-	13.728.526	13.728.526	56,13%
- Trong đó Nhà nước/ <i>State Shareholders:</i>	-	12.475.008	12.475.008	51,00%
2. Nước ngoài/ <i>Foreign</i>	-	169.318	169.318	0,69%
2.1 Cá nhân/ <i>Individual</i>	-	2.238	2.238	0,01%
2.2 Tổ chức/ <i>Institutional</i>	-	167.080	167.080	0,68%
TỔNG CỘNG/TOTAL:	-	24.460.792	24.460.792	100,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 22/07/2019)

Ghi chú: - Hiện nay tại Công ty không có cổ phần hạn chế chuyển nhượng.
- Công ty không có chứng khoán giao dịch, lưu hành ở nước ngoài.

b) Cơ cấu cổ đông/ *Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/ *Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders*).

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
NO.	Subject	Number of shares	Proportional ownership (%)	Number of shareholders	Institution	Individual
1	Cổ đông Nhà nước/ <i>The State as shareholder</i>	12.475.008	51,00%	1	1	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI/ <i>Founder/ FDI Shareholder</i>	-	-	-	-	-
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>	-	-	-	-	-

	- Nước ngoài/ Foreign	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn/ Major Shareholders	7.011.700	28,67%	2	-	2
	- Trong nước/Domestic	7.011.700	28,67%	2	-	2
	- Nước ngoài/Foreign	-	-	-	-	-
4	Công đoàn Công ty/ Labor Union	105	0,00%	1	1	-
	- Trong nước/Domestic	105	0,00%	1	1	-
	- Nước ngoài/Foreign	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ/ Treasury shares	-	-	-	-	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ Preferred stocks	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác/ Other shareholders	4.973.979	20,33%	505	28	477
	- Trong nước/ Domestic	4.804.661	19,64%	495	25	470
	- Nước ngoài/Foreign	169.318	0,69%	10	3	7
TỔNG CỘNG/ TOTAL		24.460.792	100,00%	509	30	479
Trong đó:						
- Trong nước/Domestic		24.291.474	99,31%	499	27	472
- Nước ngoài/Foreign		169.318	0,69%	10	3	7

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 22/07/2019)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

Không có.

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society.*

- Công ty thực hiện quan trắc chất lượng môi trường với tần suất: nước thải 01 tháng/1 lần, nước mặt 03 tháng/ 01 lần, khí thải 03 tháng/ 01 lần, và thực hiện báo cáo giám sát 01 năm/01 lần; báo cáo quản lý chất thải nguy hại 01 năm/ 02 lần.

- Thực hiện diễn và lập báo cáo về việc ứng phó với sự cố hóa chất/diễn tập PCCC 01 năm/01 lần .

- Thực hiện các quy định của pháp luật về PCCC, kế hoạch ứng cứu sự cố khẩn cấp.

- Điều kiện nhà xưởng, kho tàng: hệ thống thu lôi, chống sét:

+ Nhà xưởng, kho tàng đều đáp ứng với các yêu cầu quy định về ứng phó sự cố hóa chất, PCCC: Rãnh/hồ thu gom chống chảy tràn, nền tráng Epoxy/Bê tông chống thấm, hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy, thoát hiểm, trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố hoá chất.

+ Hệ thống thu lôi, chống sét: lắp đặt tất cả các khu vực văn phòng, kho, sản xuất và được đo kiểm điện trở nối đất 01 năm/01 lần.

6.1. *Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.2. *Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. *Tiêu thụ nước:* (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees.*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

Số người lao động trong Công ty: Tính đến ngày 31/12/2019, số lao động trong danh sách của Công ty là 378 người. Trong đó:

- Lao động có HĐLĐ không xác định thời hạn: 293 người.
- Lao động có HĐLĐ có thời hạn: 85 người

TT	Trình độ	31/12/2019	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Sau Đại học	05	1,32%
2.	Đại học	158	41,80%
3.	Cao đẳng	19	5,03%
4.	Trung học chuyên nghiệp	23	6,08%
5.	Trình độ khác	173	45,77%
	Tổng số	378	100,00%

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam thực hiện nghiêm chỉnh Bộ luật Lao động của Nhà nước Việt Nam, xây dựng Thỏa ước lao động tập thể, triển khai cụ thể đến toàn thể Người lao động.

Thang bảng lương của Công ty tuân thủ theo Quy định của Chính phủ. Công ty thực hiện đúng việc nộp và thanh toán đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội bắt buộc, giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách cho Người lao động theo đúng quy định. Công ty đã tham gia Bảo hiểm tai nạn con người 24/24h cho tất cả Người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ để phát hiện bệnh nghề nghiệp, thực hiện chế độ ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại và nghỉ dưỡng sức đúng đối tượng.

Công ty thực hiện tốt công tác Bảo hộ lao động, trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cá nhân, thực hiện nghiêm các quy chế an toàn trong sản xuất. Công ty có hệ thống nước sạch phục vụ sinh hoạt, vệ sinh đầy đủ và an toàn cho người lao động.

Công ty đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, thu nhập từ tiền lương bình quân của người lao động trong năm 2019 là 9.200.000 đồng/tháng.

Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức các chuyến du lịch, nghỉ mát cho toàn bộ Người lao động, tổ chức các hoạt động thể thao, giải trí hàng năm, nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Công ty liên tục thực hiện các chương trình đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho người lao động, đánh giá mức độ hoàn thành công việc và nâng mức hiệu quả công việc đối với người lao động gián tiếp. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn cho nhân viên với hình thức mời giảng viên về dạy hoặc cử nhân viên tham gia các khóa học do các Trung tâm đào tạo tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng

khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

Năm 2019 việc kinh doanh của Công ty chưa đạt như kỳ vọng do gặp rất nhiều khó khăn trong vấn đề cung ứng nguyên liệu vật liệu, tình hình thời tiết, giá cả nông sản giảm và chính sách cấm và hạn chế một số hoạt chất sử dụng như đã đề cập tại phần nhận định chung.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Tổng tài sản trong năm giảm 3,5% so với năm 2018 (tương đương - 19.935.488.965 đồng) chủ yếu từ các nhóm trọng điểm sau:

Tổng tài sản ngắn hạn giảm 4.851.601.472 đồng, tương đương 1,17%, trong đó khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 5.000.000.000 đồng, tương đương 14,29%, hàng tồn kho giảm, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 6.651.722.098 đồng, tương đương 3,94%. Công tác kiểm soát các khoản phải thu luôn được chú trọng, tuy nhiên trong năm 2019 tình hình tiếp tục khó khăn như năm 2018, nguồn thanh toán từ các đại lý chậm làm cho các khoản phải thu của đơn vị tăng lên. Trong năm 2019 công ty cũng đã áp dụng các chính sách kiểm soát chặt chẽ công nợ bán hàng, tăng chi phí tài chính hợp lý để đẩy nhanh công tác thu hồi nợ, từ đó giúp cho chỉ tiêu phải thu tuy có tăng nhưng ổn định và đang trong khoản kiểm soát an toàn.

Hàng tồn kho giảm 9.960.017.088 đồng so với cùng kỳ 2018, tương đương với 6,9%, việc giảm lượng hàng dự trữ trong năm 2019 là do nhu cầu thị trường giảm nên Công ty chủ động giảm hàng tồn kho và đây cũng là một phần kết quả

của công tác lập kế hoạch tiêu thụ, mua hàng sản xuất và hợp lý và hiệu quả hơn.

Tài sản ngắn hạn khác giảm 210.564.239 đồng, tương đương với 1,48%, chủ yếu là do biến động các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước.

Tổng tài sản dài hạn giảm 15.083.887.493 đồng, tương đương 17,75% trong đó giảm chủ yếu là giảm giá trị sổ sách của tài sản do đưa vào chi phí khấu hao 10.649.992.418 đồng, tương đương với 20,08%, khoản giá trị đầu tư tài chính giảm 3.893.048.966 đồng, tương đương với 18,99%, chủ yếu là do khoản dự phòng tài chính khoản đầu tư tại Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries.

Một số lý do ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính:

Tài sản ngắn hạn trong năm 2019 khá ổn định, dòng vốn lưu động luôn đáp ứng đầy đủ các hoạt động luân chuyển hàng hóa kinh doanh của Công ty, trong năm 2020 dự kiến sẽ tiếp tục duy trì để đảm bảo nguồn vốn lưu động ổn định, tăng khả năng thanh toán và dự trữ hàng hóa kinh doanh, phục vụ cho chiến lược phát triển của Công ty.

Về vấn đề phải thu bán hàng, Công ty đã liên tục có những chính sách nhằm đảm bảo chỉ số các khoản phải thu bán hàng ở mức hợp lý, giúp cho nguồn vốn lưu động linh hoạt và giảm thiểu các rủi ro phát sinh nợ khó đòi, tuy nhiên trong năm 2019, nguồn tiền của các đại lý cũng như trong nông dân khan hiếm, cùng với việc vụ cuối năm là vụ chính trong năm, công ty đẩy mạnh thực hiện các chính sách bán hàng, công nợ làm cho khoản phải thu khách hàng tăng lên vào thời điểm cuối năm tài chính, cụ thể là tăng thêm 6.651.722.098 đồng, tương đương 3,34%, tuy nhiên dự kiến sẽ về mức trung bình khoản 140 tỷ đồng trong quý 1.2020.

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Nợ phải trả của Công ty giảm 15.549.232.267 đồng, tương đương 07%, nguyên nhân chính là trong năm qua Công ty có dòng tiền ổn định nên đảm bảo khả năng thanh toán cho khách hàng tốt hơn, tạo mối quan hệ gắn kết, uy tín với khách hàng.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.*

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future*

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán*

(nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ *Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...)*.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/ *Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ *Plans, orientations of the Board of Directors*

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/ *Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).*

1. Hội đồng quản trị/ *Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors:* (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).*

Hội đồng quản trị của Công ty có 5 thành viên, từ năm 2019 danh sách thành viên HĐQT của Công ty như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng(*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do(*)	Tổng cộng (*)	Tỷ lệ sở hữu % (*)
No.	Name	Position	Number of Transfer restriction shares	Number of Free transfer shares	Total	Proportional ownership (%)
1	Nguyễn Thân	UV HĐQT kiêm TGD, đại diện vốn NN tại DN <i>Member of the Managing Board, General Director, Persons represent for the ownership of the State</i>	-	40.149	40.149	0,16%
2	Nguyễn Xuân Bắc	Chủ tịch HĐQT, đại diện vốn NN tại DN <i>Chairman of the Managing Board, Persons represent for the ownership of the State</i>	-	-	-	-
3a	Trần Thắng (đến ngày 23/04/2019)	UV HĐQT, đại diện vốn NN tại DN <i>Member of the Managing Board, persons represent for the ownership of the State</i>	-	-	-	-
3b	Nguyễn Minh Việt Hưng (từ ngày 23/04/2019; được bầu thay ô. Trần Thắng)	UV HĐQT, đại diện vốn NN tại DN <i>Member of the Managing Board, persons represent for the ownership of the State</i>	-	-	-	-
4	Nguyễn Đức Thuận	UV HĐQT <i>Member of the Managing Board</i>	-	4.948.720	4.948.720	20,23%
5	Nguyễn Đình Nhuận	UV HĐQT <i>Member of the Managing Board</i>	-	-	-	-

Trong đó, thành viên HĐQT độc lập: 01 người

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

Công ty có 01 tiểu ban trực thuộc HĐQT là: Tiểu ban quan hệ cổ đông.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

Hoạt động của HĐQT bảo đảm tuân thủ đúng trách nhiệm và quyền hạn theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Căn cứ vào chiến lược kinh

doanh và tình hình thực tế cụ thể trong từng thời điểm để đưa ra các quyết định nhằm mang lại lợi ích cho Công ty và cổ đông. Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp và 2 Văn bản lấy ý kiến HĐQT, ban hành 26 Nghị quyết và Quyết định chỉ đạo các hoạt động quản lý, tổ chức và sản xuất-kinh doanh của Công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2019

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-TST-HĐQT	26/01/2019	- Thông qua kết quả sxkd 2018, kế hoạch 2019. Kế hoạch đầu tư xây dựng 2019 - Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019 - Chấp thuận nhân sự cử qua MVI - Thông qua nội dung các tờ trình dừng dự án Nam Định và Dự án lò đốt chất thải
2	02/NQ-TST-HĐQT	12/04/2019	Đồng ý hạn mức tối đa đề nghị các tổ chức tín dụng cấp một khoản tín dụng cho Công ty
3	03/NQ-TST-HĐQT	22/04/2019	- Thông qua kết quả sxkh quý 1, KH sxkd quý 2/2019. Kế hoạch ĐTXD quý 2 và năm 2019 - Thông qua các báo cáo, tờ trình tại ĐHĐCĐ thường niên 2019
4	04/NQ-TST-HĐQT	26/04/2019	Bầu Chủ tịch HĐQT
5	05/NQ-TST-HĐQT	14/05/2019	Chấp thuận chủ trương thoái vốn của Công ty tại MVI
6	06/NQ-TST-HĐQT	14/05/2019	Lựa chọn đơn vị kiểm toán để soát xét BC tài chính bán niên và kiểm toán BC tài chính năm 2019
7	07/NQ-TST-HĐQT	12/06/2019	Thông qua mức tỷ lệ xác định giá trị văn hoá lịch sử làm cơ sở xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn của Công ty đầu tư tại Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries (MVI)
8	08/NQ-TST-HĐQT	18/06/2019	- Thông qua phương án thoái vốn, xác định giá khởi điểm chào bán phần vốn góp tại MVI
9	09/NQ-TST-HĐQT	18/06/2019	- Các vấn đề liên quan đến các dự án đầu tư, chi trả cổ tức 2018
10	10/NQ-TST-HĐQT	24/07/2019	- Thông qua kết quả sxkh 6 tháng, KH sxkd quý 3/2019. Kế hoạch ĐTXD quý 3 và năm 2019 - Thông qua Báo cáo tài chính quý 2 và bán niên 2019
11	11/NQ-TST-HĐQT	09/10/2019	- Tiếp tục chào bán phần vốn góp của Vipesco tại MVI
12	12/NQ-TST-HĐQT	25/10/2019	- Thông qua kết quả sxkh 9 tháng, KH sxkd quý 4/2019. Kế hoạch ĐTXD năm 2019

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			- Thông qua Báo cáo tài chính quý 3 năm 2019
13	13/NQ-TST-HĐQT	17/12/2019	- Đầu tư dự án “Nhà máy sang chiết, gia công và đóng gói thuốc bảo vệ thực vật giai đoạn 1, công suất 9.500 tấn sản phẩm/năm” tại KCN Đức Hòa 1, Long An
14	01/QĐ-TST-HĐQT	01/01/2019	Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2018
15	02/QĐ-TST-HĐQT	21/02/2019	Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách năm 2018
16	03/QĐ-TST-HĐQT	28/02/2019	Bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng NS-HC
17	04/QĐ-TST-HĐQT	28/02/2019	Cử cán bộ đi công tác tại nước ngoài
18	05/QĐ-TST-HĐQT	18/03/2019	Cử cán bộ đi công tác tại nước ngoài
19	06/QĐ-TST-HĐQT	22/04/2019	Ban hành Kế hoạch triển khai rà soát, bổ sung Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam giai đoạn 2019 – 2021
20	07/QĐ-TST-HĐQT	26/04/2019	Giao nhiệm vụ người phụ trách quản trị Công ty
21	08/QĐ-TST-HĐQT	12/06/2019	Quyết định thành lập Tổ thẩm định quá trình thoái vốn tại Công ty MVI
22	09/QĐ-TST-HĐQT	18/06/2019	Thành lập Tổ thẩm định các Dự án đầu tư
23	10/QĐ-TST-HĐQT	31/07/2019	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh 1
24	11/QĐ-TST-HĐQT	24/09/2019	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
25	12/QĐ-TST-HĐQT	01/11/2019	Xin gia hạn Giấy chứng nhận đầu tư và cử cán bộ tham gia Hội đồng thành viên, Ban điều hành Công ty TNHH sản xuất nông dược vi sinh Viguato
26	13/QĐ-TST-HĐQT	16/12/2019	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board*

of Directors participating in corporate governance training programs in the year.

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ *list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

Stt	Tên cá nhân	Địa chỉ	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Tỷ lệ CP sở hữu
1	2	3	4	5	6	7
1	Nguyễn Xuân Khánh	34A Thăng Long, P4, Quận Tân Bình	038071008465	15/07/2019	TP.HCM	0,033972%
2	Phạm Văn Chương	TT 5 C6 Khu Đô Thị Văn Quán, Yên Phúc, Hà Đông, Hà Nội	111351128	19/02/2011	Hà Nội	0,0%
3	Đặng Thị Hà	KP5, Phường Phước Long, Quận 9, HCM	025255986	26/06/2010	TP. HCM	0,00%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được quy định tại Luật Doanh nghiệp; điều lệ Công ty. Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ của Công ty, quy chế nội bộ về quản trị Công ty; các Quy định của Pháp luật hiện hành.

Trong năm 2019, Ban kiểm soát Công ty đã có 03 cuộc họp, thành phần tham dự mỗi cuộc ít nhất là 2 thành viên. Nội dung các cuộc họp bao gồm:

- Lên kế hoạch và phân công, phân nhiệm cho từng thành viên của Ban kiểm soát trong hoạt động thường kỳ /hoặc xử lý sự cố bất thường (nếu có) năm 2019.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty. Giám sát việc thực thi Pháp luật, chấp hành nghĩa vụ của Doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật.

- Định kỳ trao đổi thông tin, nhiệm vụ giữa các thành viên Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty.
- Thực hiện giám sát các báo cáo tài chính định kỳ (*báo cáo quý; bán niên; báo cáo năm*) của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật và công bố thông tin.
- Giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty.
- Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện công tác Kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Đưa ra các ý kiến và kiến nghị về Báo cáo tài chính. Lập báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính.

Phối hợp với các Phòng ban chức năng, trao đổi thông tin, tài liệu, đề ra các giải pháp cụ thể trong thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra và giám sát. Cụ thể, Ban kiểm soát Công ty đã đưa ra nhiều kiến nghị được HĐQT và Ban điều hành Công ty tiếp thu và có biện pháp xử lý kịp thời. Ngoài ra công tác thu hồi nợ khó đòi trong năm 2019 cũng được Ban kiểm soát Công ty kiến nghị với HĐQT và Ban điều hành để kịp thời đưa ra biện pháp quyết liệt hơn trong việc xử lý nợ xấu tại các đơn vị thành viên trong Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH NĂM 2019

DVT: Ngàn đồng

T T	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG	THƯỜNG	THÙ LAO	PHỤ CẤP
I. Hội đồng quản trị			413.328	563.534	312.000	100.100
1	Nguyễn Xuân Bắc	Chủ tịch HĐQT			72.000	
2	Nguyễn Thân	Ủy viên HĐQT- TGD	413.328	563.534	60.000	100.100
3	Trần Thắng	Ủy viên HĐQT			20.000	
3b	Nguyễn Minh Việt Hưng	Ủy viên HĐQT			40.000	
4	Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên HĐQT			60.000	
5	Nguyễn Đình Nhuận	Ủy viên HĐQT			60.000	
II. Ban Kiểm soát			188.128	120.964	72.000	28.303
1	Nguyễn Xuân Khánh	Trưởng ban	188.128	120.964		28.303
2	Phạm Văn Chương	Ủy viên			36.000	
3	Đặng Thị Hà	Ủy viên			36.000	
III. Cán bộ quản lý			651.662	865.379	-	174.146
1	Hồ Thái Quang	Phó Tổng Giám đốc	358.576	445.649		87.073
2	Thái Nguyên Luật	Kế toán trưởng	293.086	419.730		87.073
Tổng cộng			1.253.118	1.549.877	384.000	302.549

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện

được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

Công ty thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về quản trị Công ty. Thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các quy định trong Điều lệ Công ty theo các quy định của Luật và cập nhật các văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước. Các Quy chế, quy định nội bộ đang tiếp tục được dự thảo điều chỉnh.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 04, Công ty đang có kế hoạch thoái vốn tại Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries theo Nghị quyết số 08/NQ-TST-HDQT ngày 18/06/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Việt Nam với mức giá không thấp hơn 37.000.000.000 đồng. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements*

Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided*).

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính (BCTC) của Công ty (gồm BCTC hợp nhất và BCTC riêng của công ty mẹ): www.vipesco.com.vn

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thân

